

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **64/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 28/01/2021

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lil;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Châu Vũ Bình;

2. Ông Nguyễn Phúc Viễn;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan T Uyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Bà Lý Nguyễn Huyền Trang – Kiểm sát viên;

Trong ngày 28 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 306/TLST-HNGĐ ngày 16/6/2020 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/12/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12/01/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thanh Đ**, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: ấp TM, xã TBT, huyện CG, tỉnh Tiền Giang;

2. Bị đơn: **Trần Thị T**, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp TM, xã TBT, huyện CG, tỉnh Tiền Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Thanh Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị T kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã TBT cấp giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 13/5/2011. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị T tự ý làm ăn thua lỗ nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay anh không còn tình cảm với chị T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Có ba con chung tên Nguyễn Trần Đăng K, sinh ngày 21/8/2008; Nguyễn Trần Quỳnh H, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2014; Nguyễn Trần Thiên A, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2018 hiện đang sống với anh, khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi 03 con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung;

Tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết..

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Trần Thị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo qui định pháp luật, nhưng chị T vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng và cũng không có gửi văn bản ghi ý kiến về yêu cầu khởi kiện của anh Đ đối với chị.

Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán, của Hội đồng xét xử đúng qui định pháp luật tố tụng;

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý và tại phiên tòa anh Đ có thực hiện đúng các qui định về quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng, chị T vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án: Viện kiểm sát có lập luận và kết luận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Đ là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ được ly hôn với chị T; Về con chung cần giao 03 con chung cho anh Đ tiếp tục nuôi; Về tài sản chung và nợ chung anh Đ khai không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của anh Nguyễn Thanh Đ tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Thanh Đ và chị Trần Thị T qua tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã TBT cấp giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 13/5/2011 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về tố tụng: Bị đơn chị Trần Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh Đ nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T theo qui định.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Thanh Đ đối với chị Trần Thị T; Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên nhân anh Đ xin ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị T và anh Đ không hợp nhau trong cách nghĩ, cách sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chị T tự ý làm ăn gây nợ nần từ đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng ít quan tâm đến nhau. Anh chị đã ly thân từ năm 2019 đến nay do đó hiên tại mâu thuẫn giữa anh chị đã rất trầm trọng, vợ chồng không còn chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được, tại tòa anh Đ kiên quyết xin ly hôn để ổn định cuộc sống. Phía chị T đã được Tòa án tổng đạt

hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không đến Tòa án và cũng không có gửi văn bản ghi ý kiến hay phản đối gì về yêu cầu khởi kiện của anh Đ, điều đó cho thấy chị T không có thiện chí để hàn gắn tình cảm với anh Đ nên cần xem xét cho anh Đ ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Trần Đăng K, sinh ngày 18/11/2011 và Nguyễn Trần Quỳnh H, sinh ngày 11/10/2014 và Nguyễn Trần Thiên A, sinh ngày 12/8/2018 hiện đang sống với anh Đ, khi ly hôn anh Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu nuôi con chung của anh Đ là có căn cứ bởi chị T cũng không có ý kiến phản đối gì về việc anh Đ yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, do đó để ổn định cho các cháu nên giao 03 con chung cho anh Đ tiếp tục nuôi, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Đ không có yêu cầu;

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: anh Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Xét đề nghị đại diện Viện kiểm sát có căn cứ phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự ;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Thanh Đ đối với chị Trần Thị T;

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh Đ được ly hôn với chị Trần Thị T;

1.2. Về con chung: Giao 03 con chung tên Nguyễn Trần Đăng K, sinh ngày 18/11/2011 và Nguyễn Trần Quỳnh H, sinh ngày 11/10/2014 và Nguyễn Trần Thiên A, sinh ngày 12/8/2018 cho anh Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng;

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T đến khi anh Đ có yêu cầu.

Chị T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

1.3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu;

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Thanh Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh Đ đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số

0004348 ngày 29/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chợ Gạo nên xem như nộp xong án phí.

3. Quyền kháng cáo: Anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

* Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG (thay báo cáo);
- VKSND huyện Chợ Gạo (để giám sát);
- CCTHADS huyện CG (để thi hành);
- Đương sự (để thi hành);
- UBND xã TBT;
- Lưu hồ sơ

NGUYỄN THỊ MỸ LIL